

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội**



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4- 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 29

10/10/2023

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 07/08/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc cổ phần hóa Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Hoàn Kiếm thuộc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106973513 ngày 01/09/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 8C Đinh Công Tráng, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 55.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	3.608.700	36.087.000.000	65,61%
Vốn góp của cổ đông khác	1.891.300	18.913.000.000	34,39%
Tổng cộng	5.500.000	55.000.000.000	100,00%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 29.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trịnh Kim Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tiến	Thành viên
Ông Đỗ Phương Nam	Thành viên

Các thành viên Ban Điều hành và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Đình Tiến	Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Phó Giám đốc
Ông Phạm Việt Anh	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thúy Hà	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban
------------------------	------------

Bà Đặng Thu Hải	Thành viên
Bà Đào Thanh Thuý	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Điều hành Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2017.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Điều hành
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trịnh Kim Giang



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 19 /2018/BCKT/BCTC/CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội, được lập ngày 15/03/2018, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc


Lê Văn Dò

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
0231-2018-016-1*

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hải

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
3398-2016-016-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.884.806.349	39.788.884.170
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.212.153.715	34.071.820.151
1. Tiền	111	V.01	30.212.153.715	34.071.820.151
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.114.205.604	2.032.951.481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	278.271.116	208.642.257
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.244.112.435	1.017.742.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	605.437.916	806.567.024
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(13.615.863)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	7.792.173.186	3.513.439.800
1. Hàng tồn kho	141		7.792.173.186	3.513.439.800
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.766.273.844	170.672.738
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.766.273.844	170.672.738
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.810.854.935	61.689.035.547
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.081.309.200	50.232.526.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	63.366.835.723	49.457.903.104
- Nguyên giá	222		174.730.201.580	157.066.916.027
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(111.363.365.857)	(107.609.012.923)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	534.629.033	668.556.305
- Nguyên giá	225		803.563.636	803.563.636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(268.934.603)	(135.007.331)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	179.844.444	106.066.667
- Nguyên giá	228		220.000.000	120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.155.556)	(13.933.333)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	788.824.194	1.181.392.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		788.824.194	1.181.392.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.940.721.541	10.275.117.289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	16.940.721.541	10.275.117.289
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.695.661.284	101.477.919.717

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		46.210.207.248	27.529.702.679
I. Nợ ngắn hạn	310		31.084.818.910	19.597.414.332
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	12.051.995.617	9.962.800.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		231.545.446	259.605.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.378.753.612	2.256.951.784
4. Phải trả người lao động	314		6.986.622.957	5.683.778.384
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	289.934.829	11.039.255
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	4.413.100.248	224.813.368
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	753.492.760	294.066.660
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.979.373.441	904.359.341
II. Nợ dài hạn	330		15.125.388.338	7.932.288.347
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	-	7.638.221.667
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	15.125.388.338	294.066.680
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.485.454.036	73.948.217.038
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	77.485.454.036	73.948.217.038
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.485.454.036	18.948.217.038
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.800.136.272	548.500.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.685.317.764	18.399.717.038
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.695.661.284	101.477.919.717

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị

Vũ Thúy Hà



Trịnh Kim Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	163.881.272.698	161.966.313.063
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		163.881.272.698	161.966.313.063
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	97.818.937.182	101.824.993.645
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.062.335.516	60.141.319.418
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	131.421.668	183.888.238
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	189.341.898	69.738.728
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		189.341.898	69.738.728
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	30.551.794.981	27.111.774.651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	11.929.586.232	10.146.775.253
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.523.034.073	22.996.919.024
11. Thu nhập khác	31	VI.07	52.011.175	2.727.273
12. Chi phí khác	32		214.994.077	-
13. Lợi nhuận khác	40		(162.982.902)	2.727.273
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.360.051.171	22.999.646.297
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	4.674.733.407	4.599.929.259
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.685.317.764	18.399.717.038
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	3.397	3.345
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũ Thúy Hà

Chủ tịch hội đồng quản trị



Trịnh Kiên Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	188.403.252.047	186.343.789.038
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(121.334.283.261)	(127.848.455.933)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.845.950.272)	(15.560.739.227)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(176.781.723)	(67.895.910)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.399.923.418)	(5.199.452.902)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	866.700.322	4.169.256.128
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.832.196.797)	(22.470.908.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.680.816.898	19.365.592.586
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(27.129.840.033)	(6.519.940.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	17.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	131.421.668	183.888.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.980.691.092)	(6.336.052.592)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	15.634.527.458	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(49.713.040)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(294.066.660)	(294.066.660)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.850.540.000)	(1.650.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.440.207.758	(1.944.066.660)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.859.666.436)	11.085.473.334
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.071.820.151	22.986.346.817
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30.212.153.715	34.071.820.151

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũ Thúy Hà



Chủ tịch hội đồng quản trị

Trần Kim Giang

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

